TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 08 - 8 - 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Học và ông Đoàn Văn Đoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Phạm Quang Q, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nay là: TDP Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang. "Vắng mặt"

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2024.

Nay là TDP X, phường P, tỉnh Phú Thọ. "Có mặt".

- **Bị đơn**:

+ Chị Ngô Thị Bích N, sinh năm 1990; anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: TDP Tảo Phú, thị trấn Tam Hồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: TDP Tảo Phú, xã Tam Hồng, tỉnh Phú Thọ. "Chị N, anh M đều vắng mặt"

Người đại diện theo ủy quyền của chị N, anh M là: Ông Trần Văn L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số C A, Nguyễn T, L, V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là: Số C A, Đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025 "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Quang Q trình bày:

Do có mối quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Văn M và chị Ngô Thị Bích N đi làm ăn trên tỉnh Tuyên Quang, nên ngày 09/6/2017 dương lịch anh Q có cho vợ chồng anh M, chị N vay số tiền là 40.000.000 đồng để làm ăn, do không hiểu biết pháp luật nên ghi trong giấy vay là lo việc cho con anh Q, còn thực tế các bên có việc nhờ nhau xin việc cho con anh Q tuy nhiên không liên quan đến việc vay nợ này.

Các bên khi vay có viết giấy vay nợ ngày 09/6/2017 trong giấy vay thể hiện các bên cho nhau vay 40.000.000 đồng hẹn đến 09/12/2017 thì trả, do tin tưởng nên không thỏa thuận lãi suất trong giấy vay mà thỏa thuận bằng miệng, không có tài sản gì đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình vay thì anh M, chị N có trả được một phần lãi do thời gian đã lâu nên không nhớ số tiền trả và thời gian trả. Sau đó anh M, chị N bỏ đi khỏi địa phương nên ông Q không đòi được.

Quá trình giải quyết vụ án ông Q yêu cầu anh M, chị N trả anh tổng số tiền là: 84.714.956đồng. trong đó gốc là 40.000.000 đồng và lãi là 44.714.956 đồng, tuy nhiên trước khi diễn ra phiên toà và tại phiên toà đại diện của nguyên đơn không yêu cầu trả lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Ngô Thị Bích N và anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên toà tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ xã hội và số tiền vay ban đầu là đúng, giấy viết vay tiền ngày 09/6/2017 dương lịch là đúng. Không có ý kiến gì về giấy vay tiền, khoản vay trên không liên quan đến ai khác. Do không hiểu biết nên ghi trong giấy vay là xin việc cho con anh Q, tuy nhiên bản chất là việc các bên cho nhau vay nợ. Sau khi vay vợ chồng anh M, chị N đã nhiều lần trả gốc và lãi cho anh Q, tuy nhiên do tin tưởng nên không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc trả gốc và lãi này.

Nay anh Q khởi kiện bị đơn không đồng ý trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Về số tiền lãi bị đơn đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu không tính lãi. Bị đơn đồng ý trả cho ông Q số tiền là 30.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Ngô Thị Bích N và anh Nguyễn Văn M phải trả ông Phạm Quang Q số tiền gốc là 40.000.000đồng không lãi suất. Anh M, chị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Quang Q có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn M, chị Ngô Thị Bích N trả ông Q số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 09/6/2017; anh M, chị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nay là Toà án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Ông Trần Văn L là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu: Trước khi Toà án đưa vụ án ra xét xử người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự; Nên được Toà án chấp nhận và xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

[4]. Về nội dung khởi kiện:

[4.1]. Đại diện của nguyên đơn và đại diện của bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đều xác định: Ngày 09/6/2017, ông Q có cho vợ chồng anh M, chị N vay số tiền là 40.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 09/12/2017 anh M, chị N sẽ trả toàn bộ số tiền trên.

Đại diện của nguyên đơn trình bày đến hẹn ông Q đã đòi nhiều lần nhưng anh M, chị N không trả, quá trình vay anh M, chị N có trả được cho ông Q một số tiền lãi tuy nhiên các bên không viết giấy trả, thời gian đã lâu nên nguyên đơn không biết đã trả được bao nhiêu. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu anh M, chị N trả ông tổng số tiền gốc là: 40.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đại diện của bị đơn quá trình giải quyết vụ án trình bày, sau khi vay số tiền 40.000.000 đồng của ông Q vợ chồng anh M đã sử dụng vào việc riêng, hàng tháng có trả lãi cho ông Q, tuy nhiên do tin tưởng không viết giấy mỗi khi trả tiền và không nhớ đã trả bao nhiêu tiền. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc còn lại 30.000.000 đồng không đồng ý trả lãi do đã trả nhiều rồi, đề nghị toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận ngày 09/6/2017 ông Q có cho vợ chồng anh M, chị N vay số tiền là 40.000.000 đồng, không lãi suất, không có tài sản gì đảm bảo cho khoản vay và hẹn đến ngày 09/12/2017 anh M, chị N có nghĩa vụ trả tuy nhiên đến thời hạn anh M, chị N không trả được. Vì vậy ông Q khởi kiện, các đương sự không có ý kiến gì về việc ông Q khởi kiện. Trong giấy vay tiền có thể hiện nội dung "xin việc cho con anh Q" tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện của bị đơn thừa nhận số tiền vay là 40.000.000 đồng sau đó hàng tháng có trả gốc và lãi cho ông Q, tuy nhiên do tin tưởng không viết giấy mỗi khi trả tiền và không nhớ đã trả bao nhiêu tiền. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc còn lại 30.000.000 đồng trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án đại diện của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên trước khi mở phiên toà và tại phiên toà đại diện của nguyên đơn đã không yêu cầu tĩnh lãi suất đối với khoản vay 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định, giữa ông Phạm Quang Q và anh Nguyễn Văn M, chị Ngô Thị Bích N xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không lãi suất nên phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự quy định:

"*1. Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý*".

Đối số tiền gốc 40.000.000 đồng ông Q cho anh M, chị N vay quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận số tiền vay này, đại diện bị đơn cho rằng sau khi vay đã trả gốc và lãi tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh cho việc đã trả và đại diện của nguyên đơn không thừa nhận; vì vậy yêu cầu của ông Q buộc anh M, chị N trả ông số tiền trên là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền đã trả, các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả tiền gốc và lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phạm Quang Q không phải nộp tiền án phí. Trả lại ông Q tiền tạm ứng án phí. Anh Nguyễn Văn M, chị Ngô Thị Bích N phải nộp án dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[6]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang Q.

Buộc chị Ngô Thị Bích N và anh Nguyễn Văn M phải trả ông Phạm Quang Q số tiền gốc là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 09/6/2017, không lãi suất.

2. Chị Ngô Thị Bích N và anh Nguyễn Văn M phải nộp 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Phạm Quang Q số tiền tạm ứng án phí 1.987.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0003571 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền còn nợ thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh